

Bản án số: 220/2020/HSST

Ngày 22 tháng 10 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chu Thị Tuyết

2. Bà Lê Thị Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - là thư ký
Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội tham gia
phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Lan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2020/HSST ngày 01/10/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2020/QĐXXST – HS ngày 11/10/2020, đối với bị cáo:

1. Phạm Thị Thu T – Sinh năm 1976; tên gọi khác; không; giới tính: nữ; HKTT: Số 8/630 T. C, phường N, Đ, Hà Nội; chỗ ở: 15/46 ngõ 1 B. X. T, K, T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình K và bà Phạm Thị N; tiền án: Ngày 14/6/2017 Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 29/8/2019; tiền sự: Không; danh chỉ bản số: 333 lập ngày 05/5/2020 tại Công an quận Thanh Xuân; bị cáo bị bắt quả tang ngày 27/4/2020, Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2020, tạm giam ngày 07/5/2020; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số X – Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Trần Thị Ngọc V – Sinh năm 1981; tên gọi khác; không; giới tính: nữ; HKTT và chỗ ở: Tổ 7 phố T, phường T, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Đ và bà Đinh Thị O; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: - Ngày 29/3/2002 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (án đã xóa); - Ngày 18/10/2012 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày

01/9/2014 (án đã xóa); Danh chỉ bản số: 334 lập ngày 05/5/2020 tại Công an quận Thanh Xuân; bị cáo bị bắt quả tang ngày 27/4/2020, tạm giam ngày 04/5/2020; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số X – Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Trung T1, sinh năm 1996; trú tại: tổ 2 cụm 2 K, T, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h00 ngày 27/04/2020, tại khu vực cầu K, phường H, T, Hà Nội, tổ công tác đội 4 Phòng CSĐT TP về ma túy – CATP Hà Nội tiến hành kiểm tra Trần Thị Ngọc V khi V đang điều khiển xe máy Wave α BKS 29X5-581.00, phát hiện và bắt quả tang Trần Thị Ngọc V đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong lòng bàn tay trái của V có 01 bọc giấy màu trắng, bên trong có 1 túi nilon màu trắng kích thước khoảng 1.5x1.5cm, bên trong có 01 viên nén màu hồng và một ít tinh thể màu trắng. V khai nhận số tinh thể màu trắng và viên nén màu hồng là ma túy của V vừa mua của Phạm Thị Thu T, sinh năm 1976, trú tại số 15/46 ngõ 1, B. X. T, phường K, quận T, Hà Nội với giá 250.000đ mục đích để sử dụng cho bản thân.

Cơ quan công an thu giữ của Trần Thị Ngọc V số ma túy trên và 1 số tài sản khác gồm: 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 ví giả da màu nâu bên trong có 400.000đồng, 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Ngọc V, 01 xe máy Wave α màu xanh đen BKS: 29X5-581.00, số máy JA39E1091942, số khung RLHJA3914KY232183.

Tại bản kết luận giám định số 3318/KLGĐ-PC09 ngày 05/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: “Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,490 gam; 01 viên nén màu hồng là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,110 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Trần Thị Ngọc V là 0,6 gam Methamphetamine”.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Ngọc V khai nhận: Qua quan hệ xã hội, V biết Phạm Thị Thu T có bán ma túy. Khoảng 15h ngày 27/4/2020, V đến nhà T ở số nhà 15/46 ngõ 1, B. X. T, phường K, quận T, Hà Nội mua số ma túy trên với giá 250.000đồng để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, V đi xe máy về khu vực cầu K, T, Hà Nội thì bị cơ quan công an kiểm tra và bắt giữ cùng tang vật. Trước đó vào ngày 25/4/2020, V đã đến nhà T mua của T 200.000đ ma túy và đã sử dụng hết.

Căn cứ lời khai của Trần Thị Ngọc V, khoảng 19h30 ngày 27/4/2020, tổ công tác Phòng CSĐTTP về ma túy – CATP Hà Nội phối hợp với công an phường K, quận T phát hiện Phạm Thị Thu T đi xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS: 30H6 – 2164 qua trước cửa nhà số 338 B. X. T, phường K, quận T, Hà Nội nên đã tiến hành dừng xe để kiểm tra thì phát hiện và thu giữ tại túi quần phía trước T đang mặc 02 túi nilon chứa ma túy đá dạng tinh thể màu trắng, 01 túi nilong màu trắng chứa 15 viên ma túy màu hồng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thu T tại số 15/46 ngõ 1, B. X. T, phường K, quận T, Hà Nội phát hiện và thu giữ:

- 01 hộp giấy hình chữ nhật màu đen bên trong có: 03 túi nylon màu trắng chứa nhiều viên nén màu hồng, 01 túi nylon màu trắng chứa 05 viên nén hình quả dâu màu xanh, 02 túi nylon màu trắng chứa chất bột màu trắng, 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng,

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen (không kiểm tra được tình trạng máy).

- 01 hộp giấy hình chữ nhật màu đen bên trong có: 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 cân điện tử.

Ngoài ra cơ quan công an còn thu giữ của Phạm Thị Thu T: 01 túi xách màu đen, bên trong có: 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, 01 điện thoại Iphone màu xám trắng hỏng màn hình, 01 điện thoại Nokia màu vàng, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thị Thu T, 01 xe máy Airblade màu đỏ, BKS: 30H6 – 2164 số máy JF18E5378144, số khung RLHJF18098Y770773 và số tiền 200.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 3321/KLGĐ-PC09 ngày 05/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận đối với số vật chứng thu giữ của T:

* Tang vật khi bắt giữ:

- 15 viên nén màu hồng đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,530 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 02 túi nilong đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 9,990gam;

* Tang vật thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của T:

- Chất bột màu trắng bên trong 02 túi nilong đều là ma túy loại Heroin, tổng khối lượng 4,740 gam.

- 05 viên nén hình quả dâu màu xanh đều có ma túy loại MDMA và ma túy loại Delta 9-Tetrahydrocannabinol, tổng khối lượng 3,020 gam.

- Các viên nén màu hồng bên trong 03 túi nilong (trong đó 01 túi có 07 viên nén) đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 7,620 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,250 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,420 gam.

+ 01 cân điện tử màu đen có dính ma túy loại Methamphetamine.

Đối với 5 viên nén hình quả dâu màu xanh có 2 loại chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định hàm lượng ma túy trong 5 viên nén đó. Theo Bản kết luận giám định số 3065/C09-TT2 ngày 29/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: các viên nén hình quả dâu màu xanh có thành phần ma túy MDMA và Delta 9-Tetrahydrocannabinol ở dạng vết nên không xác định được hàm lượng. “Dạng vết” nghĩa là hàm lượng MDMA và Delta 9-Tetrahydrocannabinol trong mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp, do đó không xác định được hàm

lượng các chất ma túy có trong mẫu. Do không xác định được hàm lượng của chất ma túy MDMA nên 5 viên nén được tính là Delta 9-Tetrahydrocannabinol là loại ma túy khác ở thể rắn.

Như vậy, tổng khối lượng ma túy thu giữ của Phạm Thị Thu T gồm 22,81 gam Methamphetamine; 4,740 gam Heroine và 3.020 gam Delta 9-Tetrahydrocannabinol.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị Thu T khai nhận: số ma túy T cất giữ trong người khi bị bắt là T mới mua của một phụ nữ tên T2 (không rõ tên tuổi, nơi ở) với giá 2.3000.000đ tại khu vực N. Số ma túy thu giữ tại nhà là T mua ngày 24/4/2020 của một phụ nữ không quen biết với giá 4.000.000đ tại ngõ 1 B. X. T, K, T, Hà Nội. Toàn bộ số ma túy trên T mua về để bán lại cho khách kiếm lời và sử dụng. T khai đã 2 lần bán ma túy cho Trần Thị Ngọc V: 1 lần vào ngày 25/4/2007 với giá 200.000đ và 1 lần vào khoảng 15h ngày 27/4/2020 với giá 250.000đ.

Đối với người phụ nữ tên T2 và người phụ nữ bán ma túy cho T, do T khai không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với chiếc xe máy Airblade màu đỏ, BKS: 30H6 – 2164 cơ quan công an thu giữ của Phạm Thị Thu T, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn S (trú tại Đ, H, Hà Nội). Anh T1 khai nhận mua chiếc xe trên của anh Trần Văn T3 tại chợ xe chùa H, C, khi mua xe có đăng ký xe và lập giấy tờ mua bán viết tay, hiện nay anh T1 chưa làm thủ tục sang tên đăng ký xe. Qua xác minh, anh S khai mua chiếc xe trên vào khoảng tháng 2/2009 với giá 26.000.000đồng, năm 2011 do không còn nhu cầu sử dụng anh đã bán lại cho một người đàn ông không quen biết tại chợ xe chùa H, lời khai của anh S phù hợp với lời khai của anh Trần Văn T3 và anh T. Anh T3 mua xe trên rồi mang về sửa chữa sau đó bán lại cho Nguyễn Trung T1. Khi anh T1 cho T mượn xe không biết T sử dụng vào việc mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe trên, đến nay chỉ có anh T1 đến xin nhận lại xe máy để sử dụng.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu xanh; 01 điện thoại Iphone màu trắng xám hỏng màn hình; 01 điện thoại Nokia màu vàng, 01 điện thoại di động Vivo màu xanh đen (không kiểm tra được tình trạng máy) T sử dụng để liên lạc cá nhân, số tiền 200.000 đồng là tiền vừa bán ma túy cho V (50.000đồng T đã dùng để mua xăng).

Đối với chiếc xe máy Wave α màu xanh đen BKS: 29X5-581.00 cơ quan công an thu giữ của Trần Thị Ngọc V, V khai mượn của chị Trần Thị Thanh T4 (nơi ở 329 K, T, Hà Nội). Qua xác minh, chị Trần Thị Thanh T4 khai mua chiếc xe trên vào khoảng tháng 7/2019 với giá 22.000.000đồng đăng ký chính chủ mang tên chị. Ngày 27/4/2019 chị T4 cho V mượn xe, khi cho V mượn xe chị T4 không biết V sử dụng xe để đi mua ma túy. Chị T4 có đơn xin lại xe, ngày 14/8/2020 cơ quan CSĐT- Công an quận Thanh Xuân đã trao trả chiếc xe trên cho chị T4, chị T4 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen của V là sử dụng để liên lạc cá nhân.

Bản cáo trạng số 191/CT – VKS ngày 07/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố Phạm Thị Thu T tội Mua bán trái phép chất ma túy theo

điểm b,p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, truy tố Trần Thị Ngọc V tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Thu T về tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị cáo Trần Thị Ngọc V về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu T từ 14 năm tù đến 14 năm 6 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc V từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo; Truy thu số tiền 250.000 bị cáo T hưởng lợi bất chính từ việc bán ma túy cho bị cáo V.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy: 23,41 gam Methamphetamine; 4,740 gam Heroine; 3,020 gam MDMA và DeIta 9-Tetrahydrocannabinol, 01 ví giả da màu nâu thu của bị cáo V và 01 túi màu đen thu của bị cáo T, 01 cân điện tử màu đen thu của bị cáo T. Trả lại bị cáo V 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 1: 356970401134600, Imei 2: 356970401134592 lắp sim 1: 0968069865, sim 2: 0397169481, 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Ngọc V và số tiền 400.000 đồng. Trả lại bị cáo T: 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, số Imei: 35858710293387011 lắp sim: 0942758138 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám trắng, bị bong màn hình, số Imei: 356952068343500, lắp sim: 0819731339; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu vàng, số Imei 1: 357329087488690, số Imei 2: 357329089058699, lắp sim: 0867713291, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen (không kiểm tra được tình trạng máy); 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thị Thu T. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng thu của bị cáo T là tiền bị cáo bán ma túy cho bị cáo V. Trả lại cho anh Nguyễn Trung T1 01 xe máy Airblade màu đỏ, BKS: 30H6 – 2164, số máy: JF18E5378144, số khung: RLHJF18098Y770773

Hai bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, hai bị cáo không có ý kiến bào chữa và cũng không tranh luận với bản luận tội và kết tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Thu T và bị cáo Trần Thị Ngọc V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của hai bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang và vật chứng thu được trong vụ án, đồng thời căn cứ vào kết luận giám định số 3321/KLGD – PC09 ngày 05/5/2020, kết luận giám định số 3065/C09 – TT2 ngày 29/5/2020, kết luận giám định số 3318/KLGD – PC09 ngày 05/5/2020 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16h00 ngày 27/04/2020, Trần Thị Ngọc V có hành vi mua 0,6 gam Methamphetamine của Phạm Thị Thu T để đem về sử dụng thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ cùng tang vật tại khu vực cầu K, phường H, T, Hà Nội.

Phạm Thị Thu T có hành vi bán ma túy 2 lần cho Trần Thị Ngọc V tại nhà T ở số 15/46 ngõ 1, B. X. T, phường K, quận T, Hà Nội. Lần thứ nhất vào ngày 25/4/2020 với giá 200.000đ, số ma túy này V đã sử dụng hết, lần thứ 2 vào ngày 27/4/2020, T bán cho V 0,6gam ma túy Methamphetamine với giá 250.000 đồng, sau đó bị cơ quan công an bắt giữ, qua khám xét thu giữ của T 22,81gam ma túy loại methamphetamine và 4,740 gam heroine, 05 viên nén hình quả dâu màu xanh đều có ma túy loại MDMA và ma túy loại Delta 9-Tetrahydrocannabinol tổng khối lượng 3,020 gam T tàng trữ nhằm mục đích bán nhưng chưa kịp bán. Đối với 5 viên nén hình quả dâu màu xanh có 2 loại chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định hàm lượng ma túy trong 5 viên nén đó. Theo Bản kết luận giám định số 3065/C09-TT2 ngày 29/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: các viên nén hình quả dâu màu xanh có thành phần ma túy MDMA và Delta 9-Tetrahydrocannabinol ở dạng vết nên không xác định được hàm lượng. “Dạng vết” nghĩa là hàm lượng MDMA và Delta 9-Tetrahydrocannabinol trong mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp, do đó không xác định được hàm lượng các chất ma túy có trong mẫu. Do không xác định được hàm lượng của chất ma túy MDMA nên 5 viên nén được tính theo hướng có lợi cho bị cáo là Delta 9-Tetrahydrocannabinol là loại ma túy khác ở thể rắn. Như vậy, tổng số ma túy bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự là 23,41 gam Methamphetamine và 4,740 gam heroin và 3.020 gam Delta 9-Tetrahydrocannabinol.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị Thu T phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung là “phạm tội 02 lần trở lên” và “có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của Trần Thị Ngọc V phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của hai bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm nguy hiểm, tiếp tay cho tệ nạn ma túy ngày càng phát triển. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, vì vậy cần phải xử lý các bị cáo nghiêm trước pháp luật, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo Phạm Thị Thu T: Ngày 14/6/2017 Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 29/8/2019, tính đến nay chưa được xóa án nên bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Thị Ngọc V: Ngày 29/3/2002 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (án đã xóa) và Ngày 18/10/2012 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Ra trại ngày 01/9/2014) tính đến nay đều đã được xóa án nên bị cáo V không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thái độ ăn năn hối cải nên xem xét cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho hai bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về các vấn đề khác:

* Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo T và bị cáo V còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 và Điều 251 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Vì vậy. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với hai bị cáo.

Truy thu của bị cáo T số tiền 250.000 đồng là tiền hưởng lợi bất chính từ việc bị cáo T bán ma túy cho bị cáo V.

* Về xử lý vật chứng:

- 23,41 gam Methamphetamine; 4,740 gam Heroine; 3,020 gam MDMA và DeLta 9-Tetrahydrocannabinol thu của bị cáo V và T cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 1: 356970401134600, Imei 2: 356970401134592 lắp sim 1: 0968069865, sim 2: 0397169481 thu của bị cáo V, bị cáo khai dùng để liên lạc cá nhân nên cần trả lại bị cáo

- 01 ví giả da màu nâu thu của bị cáo V không còn giá trị sử dụng, bị cáo V không đề nghị được nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Ngọc V cần trả lại bị cáo V.

- 01 túi màu đen thu của bị cáo T không còn giá trị sử dụng, bị cáo T không đề nghị được nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy và tiêu hủy 01 cân điện tử màu đen.

- 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, số Imei: 35858710293387011 lắp sim: 0942758138 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám trắng, bị bong màn hình, số Imei: 356952068343500, lắp sim: 0819731339; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu vàng, số Imei 1: 357329087488690, số Imei 2: 357329089058699, lắp sim: 0867713291, - 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen (không kiểm tra được tình trạng máy); thu của bị cáo T, bị cáo khai bị cáo dùng để liên lạc cá nhân không liên quan đến việc mua bán ma túy nên cần trả lại bị cáo T.

- 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thị Thu T cần trả lại bị cáo T.

- 01 xe máy Airblade màu đỏ, BKS: 30H6 – 2164, số máy: JF18E5378144, số khung: RLHJF18098Y770773 thu giữ của Phạm Thị Thu T, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn S (trú tại Đ, H, Hà Nội). Anh T1 khai nhận mua chiếc xe trên của anh Trần Văn T3 tại chợ xe chùa H, C, khi mua xe có đăng ký xe và lập giấy tờ mua bán viết tay, hiện nay anh T1 chưa làm thủ tục sang tên đăng ký xe. Qua xác minh, anh S khai mua chiếc xe trên vào khoảng tháng 2/2009 với giá 26.000.000đồng, năm 2011 do không còn nhu cầu sử dụng anh đã bán lại cho một người đàn ông không quen biết tại chợ xe chùa H, lời khai của anh S phù hợp với lời khai của anh Trần Văn T3 và anh T1. Anh T3 mua xe trên rồi mang về sửa chữa sau đó bán lại cho Nguyễn Trung T1. Khi anh T1 cho T mượn xe không biết T sử dụng vào việc mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe trên, đến nay chỉ có anh T1 đến xin nhận lại xe máy để sử dụng. Xét thấy chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh T1 nên cần trả lại anh T1.

- Tiền mặt 400.000 đồng thu của bị cáo V trả lại bị cáo V. Tiền mặt 200.000 đồng thu của bị cáo T đây là tiền bị cáo bán ma túy cho bị cáo V nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

* Ân phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị Thu T và bị cáo Trần Thị Ngọc V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Thu T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Trần Thị Ngọc V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: - Điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Thu T

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Ngọc V.

- Các Điều 106; 136; 298; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Thu T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2020.

Bị cáo Trần Thị Ngọc V 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

Buộc bị cáo Phạm Thị Thu T phải nộp lại số tiền 250.000 đồng là tiền bị cáo hưởng lợi từ việc bán ma túy cho bị cáo Trần Thị Ngọc V.

Về xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn H, cán bộ phòng PC04 – Ngô Huy Đ, đối tượng Trần Thị Ngọc V và đóng dấu của cơ quan điều tra, bên trong có 0,6 gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định 0,13 gam); - 01 phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn H, cán bộ phòng PC04 – Phạm Việt B, đối tượng Trần Thị Thu T và đóng dấu của cơ quan điều tra, bên trong có 11,52 gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định 0,92 gam); - 01 hộp giấy dán kín niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên Đỗ Thị H, cán bộ phòng PC04 – Phạm Việt B và đóng dấu của Viện khoa học hình sự, bên trong có 11,29 gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định 1,11 gam); 4,740 gam Heroine (đã lấy mẫu giám định 0,150 gam); 3,020 gam MDMA và Delta 9-Tetrahydrocannabinol (đã lấy mẫu giám định 1,3 gam); 01 cân điện tử màu đen.

- 01 ví giả da màu nâu thu của bị cáo V và 01 túi màu đen thu của bị cáo T.

* Trả lại bị cáo Trần Thị Ngọc V: 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 1: 356970401134600, Imei 2: 356970401134592 lắp sim 1: 0968069865, sim 2: 0397169481; 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Ngọc V và số tiền 400.000 đồng.

* Trả lại bị cáo Phạm Thị Thu T: 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, số Imei: 35858710293387011 lắp sim: 0942758138 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám trắng, bị bong màn hình, số Imei: 356952068343500, lắp sim: 0819731339; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei 1: 357329087488690, số Imei 2: 357329089058699, lắp sim: 0867713291, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen (không kiểm tra được tình trạng máy); 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thị Thu T.

* Tịch thu sung quỹ số tiền 200.000 đồng thu của bị cáo T là tiền bị cáo bán ma túy cho bị cáo V.

* Trả lại cho anh Nguyễn Trung T1 01 xe máy Airblade màu đỏ, BKS: 30H6 – 2164, số máy: JF18E5378144, số khung: RLHJF18098Y770773

(tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 9 năm 2020 và ủy nhiệm chi của chi cục thi hành án dân sự quận T).

Bị cáo Phạm Thị Thu T và Trần Thị Ngọc V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Nguyễn Trung T1 vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên

quan đến quyền lợi nghĩa vụ của anh T1 trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND quận Thanh Xuân.
- Chi cục thi hành án dân sự quận

T

- UBND phường K, T, Hà Nội
- UBND phường T, H,

Hà Nội.

- Bị cáo
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Huyền